

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-03-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân: ông Bùi Văn Ôn; ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phúc- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị Đ, Sinh năm 2001. Địa chỉ: xóm H, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bùi Văn N, Sinh năm 1995. Địa chỉ: xóm H, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị Đ trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tháng 5/2019 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống chung

luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, hiện đã sống ly thân không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nên chị Đ xin ly hôn anh N.

2. Về con chung: chị Đ và anh N có 01 con chung là Bùi Bảo N1, sinh ngày 13/07/2019. Hiện cháu N1 đang sống với anh N, chị Đ đi làm ăn xa nên khi ly hôn, chị Đ đề nghị giao con cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thực hiện và chưa yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản; công nợ: chị Đ khai không có.

Ngoài ra chị Đ không có yêu cầu gì thêm.

Anh Bùi Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có quan điểm gửi đến Tòa án.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh N được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Chị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Đ là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ với anh N là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị Đ là phù hợp các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; Công nợ: chị Đ khai nhận không có do vậy đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và bị đơn anh Bùi Văn N có nơi cư trú tại xóm H, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn N: Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Chị Đ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị Đ theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh N là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hiện đã sống ly thân không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Anh N không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của anh trước việc chị Đ xin ly hôn với anh.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh N là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị Đ và anh N có 01 con chung là Bùi Bảo N1, sinh ngày 13/07/2019. Hiện cháu N1 đang sống với anh N nên khi ly hôn, chị Đ đề nghị giao con cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chị chưa yêu cầu giải quyết.

[3.1] Về yêu cầu nuôi con: Hội đồng xét xử thấy, tuy anh N không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung nhưng hiện con chung còn nhỏ và đang sống ổn định với anh N. Chị Đ đi làm xa nên khi ly hôn chị Đ đề nghị giao con chung cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật HN&GD năm 2014 thấy cần giao con chung cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp. Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật HN&GD năm 2014.

[3.2] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ, anh N chưa yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh cho thấy, anh N có đầy đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, HĐXX không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án là phù hợp khoản 2 Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014.

[4]. Về tài sản; công nợ: chị Đ khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đ đối với anh Bùi Văn N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" cụ thể:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn N.
2. *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Bảo N1, sinh ngày 13/07/2019 cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 03/2025 trở đi cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh N chưa yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002509 ngày 09/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị Đ không phải nộp án phí nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

5. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Ngọc Lâu (theo GCNKH số: 08/2019 ngày 21/05/2019);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

